

BIẾN ĐỔI QUAN HỆ XÃ HỘI NÔNG THÔN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ QUA KHẢO SÁT Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Mỹ Hà

Viện Nghiên cứu Phát triển TP.HCM

TÓM TẮT

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động đến sự biến đổi trong gia đình, cộng đồng xóm giềng ở nông thôn. Sự biến đổi nhiều hay ít, tùy thuộc vào sự phát triển của đô thị hóa, của tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Khu vực phát triển mạnh theo hướng đô thị, con người sống theo lối sống đô thị, nghề nghiệp của cư dân đa dạng, quan hệ xóm giềng của họ sẽ thay đổi. Người dân không còn chú trọng đến mối quan hệ “chiều ngang - theo diện rộng” mà chuyển sang mối quan hệ của “chiều sâu”, quan hệ theo chuyên môn, nghề nghiệp.

Từ khóa: biến đổi, quan hệ xã hội, mạng lưới xã hội

1. Đặt vấn đề

Quan hệ xã hội là những liên kết ràng buộc các cá nhân lại với nhau trong xã hội. Tập hợp những mối quan hệ đó được gọi là mạng lưới xã hội. Mạng lưới xã hội là phức hợp các mối quan hệ của các cá nhân trong các nhóm, tổ chức và cộng đồng. Mạng lưới xã hội bao gồm các mối quan hệ đan chéo nhau chằng chịt, từ quan hệ gia đình, thân tộc, bạn bè, láng giềng; quan hệ trong các tổ chức đoàn thể, tầng lớp, hiệp hội, đảng phái, nghề nghiệp... Qua việc tìm hiểu mạng lưới xã hội, chúng ta có thể hiểu được một xã hội được cấu tạo nên như thế nào và các quy tắc của nó ra sao. Thông qua mạng lưới này, các thành viên trong xã hội có thể chia sẻ, trao đổi thông tin, kiến thức, nguồn lực, từ đó làm tăng cường sức mạnh cho các cá nhân, cũng như cho cả xã hội, làm cho xã hội vận hành một cách gắn bó, hài hòa và trôi chảy...[6:76-77]. Quan hệ xã hội luôn chịu sự chi phối của nhiều nhân tố, chủ quan cũng như khách quan trong xã hội. Trong đó, nhân tố chủ quan

được xét trên những cá thể của cộng đồng; tùy theo độ tuổi, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp, trình độ học vấn, giới tính... mỗi cá nhân sẽ có những quan hệ xã hội khác nhau; nhân tố khách quan như môi trường kinh tế, môi trường tôn giáo, môi trường văn hóa - xã hội... cũng tác động rất lớn đến quan hệ xã hội của cá nhân và cộng đồng.

Dưới tác động của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) càng thúc đẩy xã hội nông thôn chuyển đổi nhanh hơn. Đó là sự gia tăng nhanh dân số cơ học, sự phát triển mạnh mẽ của các khu chế xuất (KCX), khu công nghiệp (KCN) ở khu vực nông thôn và sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của cư dân nông thôn... Những nhân tố này góp phần tạo nên sự biến đổi trong quan hệ xã hội ở nông thôn thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Quan hệ xã hội là một phạm trù khá rộng, trong bài viết này, chúng tôi chỉ đi sâu phân tích về *mạng lưới quan hệ trong gia đình và cộng đồng làng xóm và giữa các nhóm nghề nghiệp với nhau*, đây

là những yếu tố biểu hiện sự thay đổi khá rõ nét qua tư liệu phân tích mà chúng tôi tiếp cận được.

Để thực hiện bài viết, chúng tôi tổng hợp, phân tích tư liệu đã được nghiên cứu về khu vực nông thôn nói chung và nông thôn TP.HCM nói riêng; đồng thời, chúng tôi tiến hành thu thập tư liệu từ cộng đồng bằng phương pháp định tính và định lượng. Đó là thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu tại cộng đồng, quan sát tham sự trong thời gian điều tra và tiến hành phỏng vấn bảng hỏi theo nguyên tắc chọn mẫu định mức (quota) với 600 hộ gia đình nông dân tại các quận, huyện ngoại thành TP.HCM.

2. Một số nhân tố tác động đến sự biến đổi quan hệ xã hội ở nông thôn TP.HCM

2.1. Công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở khu vực nông thôn TP.HCM

Nông thôn TP.HCM là nông thôn trong đô thị lớn nhất nước, do đó, cơ cấu kinh tế nông thôn đa dạng, nhất là từ khi các KCN, KCX được hình thành và đa số đều nằm ở địa bàn nông thôn.

Bảng 4. Các KCN, KCX trên địa bàn TP.HCM
[13:108,109]

STT	Tên KCN, KCX	Giai đoạn	Năm thành lập	DT đất quy hoạch (ha)
I. KCX-KCN đang hoạt động				2.471,83
1	Tân Thuận		1991	300,00
2	Linh Trung I		1992	62,00
3	Linh Trung II		1997	61,75
4	Bình Chiểu		1998	27,34
5	Tân Tạo	Hiện hữu	1996	168,75
	Tân tạo	Mở rộng	2000	204,58
6	Tân Bình	GD 1	1997	105,95
	Tân Bình	GD 2	2009	24,01
7	Lê Minh Xuân	GD 1	1997	100,00
8	Vĩnh Lộc	GD 1	1997	203,00
9	Tân Thới Hiệp		1997	28,41
10	Tây Bắc Củ Chi	GD 1	1997	208,00

11	Cát Lái	GD 1 & 2	2003	124,00
12	Hiệp Phước	GD 1	1996	311,40
13	Tân Phú Trung		2004	328,06
II. KCN đang xây dựng cơ bản				1.142,40
14	Phong phú		2002	148,40
15	Phú Hữu			114,00
16	Đông Nam			283,00
	Hiệp Phước	GD 2	2008	597,00
III. KCN dự kiến sẽ thành lập				1.455,00
IV. KCN dự kiến được mở rộng				849,24
Tổng cộng				5.918,47

Tính đến cuối năm 2010, TP.HCM có 13 KCX, KCN tập trung đang hoạt động với tổng diện tích 2.471,83 ha. Bên cạnh đó, có ba khu công nghiệp đã được thành lập và đang xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích là 1.142,4 ha. Theo quy hoạch đến năm 2020, sẽ có thêm 6 KCN được thành lập mới với tổng diện tích là 1.455 ha và 4 KCN dự kiến mở rộng với tổng diện tích là 849,24 ha. Ngoài ra còn có Khu công nghệ cao và Công viên phần mềm Quang Trung với diện tích là 872 ha cũng đang hoạt động [13:107-109]. Đồng thời, các hoạt động công nghiệp tư nhân, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ... cũng phát triển mạnh ở khu vực nông thôn. Việc xây dựng các KCX, KCN này đã góp phần chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu nghề nghiệp của cư dân nông thôn từ nhóm ngành kinh tế nông nghiệp sang nhóm ngành kinh tế phi nông nghiệp. Kết quả của việc xuất hiện các KCN, KCX, các cơ sở dịch vụ kinh tế phi nông nghiệp đã làm biến đổi nông thôn của TP.HCM theo CNH, HĐH. Cơ sở hạ tầng dần được hoàn thiện, tạo ra hàng chục ngàn việc làm cho người dân trong vùng, giải quyết một lượng lớn lao động thanh niên không chỉ ở khu vực nông thôn thành phố mà còn cho các tỉnh lân cận. Điều này đã góp phần làm gia tăng dân số cơ học ở nội thành và khu vực nông thôn.

2.2. Sự gia tăng nhanh dân số cơ học ở khu vực nông thôn

Theo số liệu của các đợt tổng điều tra dân số và nhà ở tại TP.HCM thời kỳ 1979 – 2009, cho thấy, dân số của TP.HCM có sự biến động rất lớn:

Bảng 1. Dân số TP.HCM qua các đợt tổng điều tra [11:6]

Năm	1979	1989	1999	2009
- Dân số (người)				
Tổng	3.419.977	3.988.124	5.037.155	7.123.340
Quận	2.842.945	3.319.942	4.124.287	5.841.987
Huyện	577.032	668.182	912.868	1.281.353
- Tốc độ tăng bình quân 1 năm (%)				
Giai đoạn	1979-1989	1989-1999	1999-2009	
Tổng	1,6	2,4	3,5	
Quận	1,6	2,2	3,5	
Huyện	1,6	3,2	3,4	

Số liệu thống kê cho thấy, dân số của TP.HCM trong giai đoạn (1979-1989) có tốc độ tăng bình quân đạt tỷ lệ 1,6%. Tỷ lệ này chủ yếu là sự gia tăng dân số tự nhiên. Thời kỳ này, TP.HCM chưa phát triển KCX, KCN và tiến trình đô thị hóa vẫn chưa phát triển mạnh, do đó, số lượng dân nhập cư chưa nhiều. Giai đoạn 1989 - 1999, tốc độ tăng dân số bắt đầu có xu hướng đi lên, trong đó khu vực nông thôn có tốc độ tăng cao hơn hẳn (tăng 3,2%) so với tốc độ tăng chung của thành phố (2,4%) và của các quận (2,2%). Trong giai đoạn từ 1999-2009, dân số TP.HCM vẫn tiếp tục tăng cao ở cả hai khu vực đô thị (tăng 3,5%) và nông thôn (3,4%). Nếu xét riêng ở từng quận huyện, ta thấy, tỷ lệ gia tăng dân số ở các quận huyện diễn ra như sau:

Bảng 2. Dân số các quận mới phát triển và khu vực nông thôn TP.HCM qua các đợt tổng điều tra [11:6]

	Dân số (người)				Tốc độ tăng bình quân 1 năm (%)		
	1/10/1979	1/4/1989	1/4/1999	4/01/2009	1979-1989	1989-1999	1999-2009
Các quận mới phát triển							
Quận 2	57.793	71.403	102.001	145.981	2,3	3,6	3,6
Quận 7	56.482	66.511	111.828	242.284	1,7	5,3	8,0
Quận 9	94.874	107.856	148.582	255.036	1,4	3,3	5,6
Quận 12	93.108	109.784	168.379	401.894	1,7	4,4	9,1
Thủ Đức	99.094	122.737	209.391	442.110	2,3	5,5	7,8
Khu vực nông thôn							
Củ Chi	204.298	217.732	254.803	343.132	0,7	1,6	3,0
Hóc Môn	127.610	138.131	204.270	348.840	0,8	4,0	5,5
Bình Chánh	164.935	204.524	332.089	421.996	2,3	5,0	11,6*
Nhà Bè	40.968	57.739	63.149	99.172	3,7	0,9	4,6
Cần Giờ	39.221	50.056	58.557	68.213	2,6	1,6	1,5

Số liệu cho thấy, các quận mới hình thành sau khi chia tách có tốc độ gia tăng dân số mạnh mẽ. Giai đoạn 1989-1999, tốc độ tăng bình quân của quận 7 chiếm tỷ lệ 5,3%/năm, sang giai đoạn 1999-2009, tăng lên 8,0%/năm; ở quận 12 là 4,4% lên 9,1%; và ở quận Thủ Đức là 5,5% lên 7,8%; đối những huyện giáp ranh với khu vực nội thành tốc độ gia tăng dân số cũng rất mạnh mẽ: Bình Chánh là 5,0% lên 11,6% và Nhà Bè 0,9% lên 4,6%.

Nguyên nhân của việc tăng dân số ở khu vực vùng ven và nông thôn là do tác động từ việc hình thành các KCX, KCN trên địa bàn nông thôn của thành phố (xem bảng 4); đồng thời là tác động từ quá trình chỉnh trang và phát triển đô thị trong khu vực nội thành TP.HCM. Từ năm 2000, TP.HCM tăng cường công tác chỉnh trang đô thị, giải tỏa các khu nhà ổ chuột trong nội đô, cải tạo kênh rạch... nên bộ phận dân cư không nhỏ nằm trong khu vực các

dự án chỉnh trang trên bị giải tỏa, phải rời khu nội đô ra mua đất định cư ở các huyện như Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè. Vì thế, dân số ở khu vực nông thôn thành phố đã tăng nhanh trong thời điểm này và tỷ lệ tăng dân số cơ học cũng tăng nhanh kể từ năm 90 của thế kỷ XX đến nay.

Bảng 3. Mức tăng dân số của TP.HCM qua các giai đoạn (ĐVT: %)

STT	Giai đoạn	Mức tăng chung	Trong đó	
			Tăng tự nhiên	Tăng cơ học
1	1975-1980	-0,40	1,79	-2,19
2	1981-1985	1,59	1,68	-0,09
3	1986-1990	2,13	1,54	0,59
4	1991-1995	2,42	1,46	0,96
5	1996-2000	2,42	1,46	0,82
6	2001-2005	3,45	1,22	2,23
7	2006-2010	3,42	1,52	1,9

Bên cạnh việc gia tăng về quy mô dân số ở thành phố nói chung và khu vực nông thôn nói riêng, chất lượng dân số cũng ngày càng cải thiện, đặc biệt là trình độ học vấn và nguồn lực lao động. Xét riêng ở khu vực nông thôn: cơ cấu trình độ học vấn của dân số 15 tuổi trở lên của khu vực nông thôn sau 10 năm tăng khá nhanh, tỷ lệ dân số biết đọc năm 1999 chiếm 92,2%, năm 2009 chiếm 96,6%. Theo tổng điều tra dân số năm 2009, khu vực nông thôn có 11,98% dân số từ 5 tuổi trở lên chưa tốt nghiệp tiểu học; 27,34% tốt nghiệp tiểu học; 36,02% tốt nghiệp trung học cơ sở và 24,66% tốt nghiệp trung học phổ thông. Đồng thời, cơ cấu lao động ở nông thôn có sự chuyển dịch khá nhanh sang các ngành công nghiệp và dịch vụ. Năm 1998, dân số ở khu vực nông thôn TP.HCM sống bằng nghề nông là 480.082 lao động (chiếm tỷ lệ 56,3% dân số nông thôn); đến năm 2010, dân số khu vực nông thôn sống bằng nghề nông là 201.106 lao động và đến tháng 7/2011 là 93.267 lao động. [8:22]

Như vậy, việc gia tăng dân số ở thành phố nói chung và khu vực nông thôn nói riêng đã dẫn đến rất nhiều hệ quả như quá tải về hạ tầng cơ sở, dịch vụ y tế, giáo dục... Đồng thời, sự gia tăng nhanh chóng dân số cơ học còn dẫn đến hệ quả về mặt xã hội như phân hóa xã hội, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội... làm suy giảm niềm tin trong cộng đồng, từ đó quan hệ xã hội cũng dần biến đổi.

3. Biến đổi quan hệ xã hội ở nông thôn TP.HCM

TP.HCM là nơi hội tụ của nhiều dòng chảy văn hóa xưa nay, giao lưu tiếp xúc với cái mới, một xã hội mang tính “mở”. Chính vì vậy, đã có nhiều nhà nghiên cứu đánh giá về quan hệ xóm giềng tốt đẹp ở vùng nông thôn TP.HCM: “*Hàng xóm, láng giềng vẫn là người giao thiệp hàng ngày, là người tâm sự, là người giúp đỡ trong cơn khó khăn, là người chia vui, sẻ buồn, là người có thể đứng ra hòa giải những mối xích mích trong gia đình*”[9:187]. Hoặc “*Dù khác biệt nhau về nơi xuất thân, tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc, phong tục tập quán, lối sống... nhưng người Sài Gòn - TP.HCM vẫn luôn tiếp nhận họ với thái độ tôn trọng, không kỳ thị*” [10:32]. Đó là mối quan hệ xã hội chung của cư dân TP.HCM được đúc kết qua quá trình cộng cư lâu dài và đã trở thành truyền thống trong lối ứng xử giữa người với người trong cuộc sống cộng đồng. Chính lối ứng xử này trở thành mẫu số chung trong đời sống xã hội của cư dân người Việt ở vùng đất Nam Bộ nói chung và Sài Gòn - TP.HCM nói riêng trong suốt chiều dài lịch sử.

Khu vực nông thôn là vùng nằm ở ven đô, bao bọc chung quanh khu vực thành thị năng động và phát triển. Dưới tác động của quá trình đô thị hóa, CNH, HĐH, nông thôn của TP.HCM đã có sự chuyển biến

manh mẽ trên nhiều phương diện, đặc biệt là sự biến đổi về các hoạt động kinh tế, về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, về đô thị hóa, về dân cư - đặc biệt là dân nhập cư vào nông thôn TP.HCM ngày một nhiều... Chính vì thế, văn hóa ứng xử, quan hệ xã hội của người dân nơi đây dần biến đổi. Các hành động tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau đã chuyển sang một tính chất khác, mang tính “phòng ngự” khi họ cảm thấy lợi ích của bản thân bị xâm phạm. Quan hệ xã hội không phải là loại hình bất biến mà nó luôn có sự biến đổi. Sự thay đổi này được biểu hiện cụ thể qua sự biến đổi của các mối quan hệ như *quan hệ trong gia đình, mối quan hệ cộng đồng xóm giềng*.

3.1. Biến đổi trong quan hệ trong gia đình

Đây là mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình như cha, mẹ, anh, chị, em ruột... Khi quan tâm đến mối quan hệ này, chúng tôi xét dưới hai khía cạnh: *chia sẻ chỗ ở trong gia đình và sự giúp đỡ nhau trong cuộc sống*. Theo cuộc điều tra về gia đình Việt Nam 2006 đã cung cấp một sự hiểu biết tương đối có hệ thống về gia đình Việt Nam sau 20 năm đổi mới. Một số phát hiện chính từ cuộc nghiên cứu đó là chưa có sự thay đổi đáng kể về qui mô hộ gia đình Việt Nam trong vòng 5 năm qua, bình quân một hộ gia đình có 4,4 nhân khẩu; mô hình gia đình qui mô nhỏ có xu hướng phổ biến ở thành thị hơn nông thôn và ở nhóm hộ giàu hơn nhóm hộ nghèo; mô hình gia đình hai thế hệ (gồm cha mẹ và con cái) khá phổ biến với 63,4%, hộ gia đình ba thế hệ trở lên có xu hướng giảm. Một trong các lý do đó là tác động của quá trình CNH: *Tỷ lệ hộ gia đình có ba thế hệ ở nông thôn thấp hơn thành thị, đặc biệt là khu vực nội thành*. Một trong những nguyên nhân là điều kiện đất đai và nhà ở tại các khu vực thành thị bị hạn chế và xu hướng thanh niên di cư từ nông thôn ra

thành thị để làm việc và sau đó lập gia đình ở thành thị [12:18-19].

Ở TP.HCM, đối với các nghiên cứu về dân tộc học, xã hội học... việc chia sẻ chỗ ở của nhiều hộ anh, em và bố mẹ trong cùng một gia đình, được gọi là đại gia đình, hay gia đình của nhiều anh, em trong một nhà gọi là gia đình mở rộng. Theo các công trình nghiên cứu về văn hóa nông thôn của TP.HCM đã được công bố, trước năm 1997 có khá nhiều hình thức đại gia đình và gia đình mở rộng ở vùng nông thôn, đặc biệt là ở các huyện như Hóc Môn, Nhà Bè [9:178-184]. Trong khảo của chúng tôi, hình thức gia đình này không phổ biến. Kết quả khảo sát định lượng của chúng tôi, cho thấy, chỉ có 50/600 hộ có hộ ở ghép (chiếm 8,3% tổng số hộ). Trong đó, 4 hộ sống chung với bố mẹ; 3 hộ sống chung với hộ anh/em ruột; 39 hộ sống chung với hộ con cái; 4 hộ còn lại sống với những hộ khác đến thuê trọ [5]. Điều này cũng cho thấy về xu hướng gia đình nhiều thế hệ giảm ở nông thôn. Người dân nông thôn lý giải cho vấn đề này, đó là việc sống chung với con cái đã có gia đình sẽ khiến họ cảm thấy không thoải mái; yếu tố làm dâu không còn đặt nặng trong xã hội nông thôn thành phố. Do đó, ở nông thôn thành phố, con cái lập gia đình đều có xu hướng ra ở riêng.

Ở nông thôn, người dân có điều kiện về đất đai, thường các gia đình có diện tích đất rộng, nên khi con lớn, họ thường chia đất cho các con cất nhà ra ở riêng. Đặc biệt khi quá trình đô thị hóa, CNH, HĐH diễn ra mạnh mẽ, đất đai là nguồn tài sản có giá trị rất lớn, nên các gia đình trẻ cũng muốn sớm được sở hữu riêng phần đất đai, nhà ở để có điều kiện làm kinh tế độc lập, khẳng định quyền và giá trị của mình; đồng thời việc chia đất cho con để tránh sự tranh giành về sau giữa các anh em trong gia

đình cũng được cha mẹ/ông bà quan tâm; ngoài ra, việc tách ra thành nhiều gia đình nhỏ sẽ có lợi hơn trong việc tính giá điện sinh hoạt, hoặc khi bị giải tỏa đền bù...

Xu hướng đại gia đình hay gia đình mở rộng ở nông thôn hiện nay giảm xuống. Tuy nhiên, sự tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình giữa các thành viên với nhau vẫn diễn ra, nhưng ở một mức độ vừa phải.

Qua phân tích số liệu điều tra chúng tôi nhận thấy, khi gia đình gặp khó khăn, việc cầu viện sự giúp đỡ của người thân đạt khoảng 39,2%; hàng xóm giúp đỡ đạt 33,5%; còn tự giải quyết và không có sự giúp đỡ nào khác là 22,2%; số còn lại là dựa vào bạn bè, đồng nghiệp...[5]. Điều này cho thấy, yếu tố tương trợ giữa các thành viên trong gia đình ở nông thôn tuy không nhiều, nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất trong số hộ được khảo sát.

Đặc biệt, con số không biết nhờ ai giúp đỡ lại chiếm tỷ lệ tương đối cao. Điều này nói đến xu hướng biến đổi trong quan hệ gia đình, hàng xóm của người dân nông thôn. Khi được hỏi về vấn đề này, một số người dân cho rằng, bản thân tự lo là trên hết; việc nhờ cậy anh/em, hàng xóm chỉ là điều “bắt đắc dĩ”, “hết cách”. Cũng có nhiều người so sánh rằng, trước đây khi còn làm nông, có thể nhờ anh/em, hàng xóm cùng giúp đỡ; sau đó trả công lại. Nhưng hiện nay, mỗi người mỗi nghề, mỗi ngành, việc nhờ cậy, đòi công như trước không còn diễn ra. Theo một số người mà chúng tôi phỏng vấn cho rằng, xóm giềng cũng có giúp đỡ qua lại khi có đám tiệc, nhưng hiện nay ở nông thôn người ta cũng đặt các dịch vụ làm sẵn nên cũng là qua thăm hỏi chứ không phụ giúp như trước đây. Việc giúp đỡ cho mượn hoặc vay tiền là vấn đề khó. Do đó, người dân sẽ cố gắng tự giải quyết khi gặp khó khăn về

vấn đề này. Khi cần tiền thì nếu số tiền nhỏ và có thể trả nhanh thì mượn người trong gia đình, họ hàng, bạn bè; còn đối với số tiền lớn với thời hạn dài, thì đa số chọn đi vay của tổ chức đoàn thể, ngân hàng, vay nóng...[14].

3.2. Biến đổi trong quan hệ cộng đồng xóm giềng

Theo truyền thống, quan hệ này dựa trên tính cộng đồng xóm giềng trong cùng làng xã. Đó là mối quan hệ của những người dân trong cùng một khu vực cư trú, có những mối quan tâm và chia sẻ lợi ích chung. Các nhà nghiên cứu trước đều cho rằng đây là mối quan hệ tốt đẹp của cộng đồng nông thôn, vì nó mang tính tương trợ như “*Tối lửa tắt đèn có nhau*”. Mối quan hệ cộng đồng xóm giềng được đánh giá rất quan trọng và cần thiết, được đúc kết thành câu nói nhắc nhở nhau “*Bán anh em xa mua láng giềng gần*”. Con người ở nông thôn TP.HCM gắn liền với ruộng đất, các nghề thủ công, đặc biệt là các nghề cung cấp cho thành thị nhiều mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống. Từ những đặc điểm về sản xuất và nghề nghiệp đó, những người sống ở vùng nông thôn Thành phố có nếp sống, sinh hoạt và quan hệ cộng đồng cũng khác rất nhiều so với những cư dân sống ở Thành thị. Tuy nhiên, dưới tác động của quá trình đô thị hóa, CNH, HĐH, đồng thời sự lan tỏa văn hóa từ trung tâm ra vùng ngoại vi dần dần đã góp phần làm biến đổi văn hóa, lối sống, quan hệ ứng xử trong gia đình và ngoài xã hội của người dân ở khu vực nông thôn Thành phố.

Trong một nghiên cứu về khu vực nông thôn TP.HCM vào đầu những năm 2000 đã đưa ra nhận xét về mối quan hệ xã hội ở địa bàn này như sau: “*Cuộc sống đô thị còn làm cho tính cộng đồng làng xóm yếu đi; người dân sống khép kín và ích kỷ hơn.*

Tình đoàn kết, sự thương yêu gắn bó của cư dân nông thôn đã có từ ngàn xưa, nay đang bị thách thức, có nguy cơ bị mờ nhạt. Sự giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau, tình làng nghĩa xóm không còn như trước, phần nào không còn mang tính chất tự nguyện như trước đây mà phải có sự tác động của chính quyền, của các tổ chức xã hội” [7:95-96]. Cũng theo đề tài này, kết quả về mức giao tiếp giữa người nông dân với những hàng xóm cũ như sau: 75,3% cho là giảm sút hơn trước, chỉ có 9% cho là tăng hơn trước khi đô thị hóa diễn ra...

Theo kết quả khảo sát vào năm 2010 ở TP.HCM, về nội dung *giao tiếp trong gia đình, họ hàng và hàng xóm*, kết quả cho thấy, “*cư dân Thành phố có 22,3% đến chơi nhà lối xóm gần như hàng ngày. Có 47% thường xuyên thăm nhà lối xóm (vài lần trong tuần hay vài lần trong tháng). Tỷ lệ đến chơi nhà lối xóm gần như hàng ngày giảm từ 32,4% ở ngoại thành xuống còn khoảng 20% ở nội thành*” [3:87].

Qua tìm hiểu, nghiên cứu của chúng tôi tại địa bàn nông thôn TP.HCM vào năm 2010, tương tự như vậy, tư liệu cũng cho thấy rằng, quan hệ xóm giềng đã không còn thiết thiết như trước vì xung quanh họ là những người mới đến, làm những công việc khác nhau, ít tiếp xúc nên yếu tố xóm giềng không được như xưa.

Những nguyên nhân của việc thay đổi được người dân nhắc đến nhiều nhất là do tỷ lệ dân số nhập cư ở khu vực nông thôn TP.HCM đông, nên những người mới đến vẫn còn xa lạ với những người cũ, chưa hòa nhập với cộng đồng cũ; việc tăng giá đất và người dân coi trọng mảnh đất của mình nên xây hàng rào, cổng rào kiên cố hơn để giữ đất. Trước đây, người này sang nhà người kia có thể “đi ngang về tắt”, băng ngang qua hàng rào đơn sơ để mượn con dao, cái

cuốc, hoặc ngồi nhà bên này có thể nói chuyện với người ở nhà bên kia..., nhưng khi hàng rào kiên cố được xây xong, những điều này không còn xảy ra, vì muốn sang nhà người khác phải đi đúng đường, phải gọi mở cổng... Chính sự “phiên hà” ấy mà người dân dần trở nên xa cách, khách sáo với nhau hơn [14].

Đối với những người sinh sống ở nông thôn nhưng không làm nông nghiệp mà tham gia vào các công việc phi nông nghiệp như làm công nhân, làm dịch vụ, làm thuê,... thì công việc hàng ngày hối hả, tất bật và chiếm hầu hết thời gian trong ngày. Vì vậy, bên cạnh việc lo mưu sinh hàng ngày, việc nhà, con cái, rồi nghỉ ngơi... họ không còn nhiều thời gian để quan tâm đến việc giao tiếp với hàng xóm láng giềng xung quanh.

Qua nghiên cứu tại địa bàn nông thôn TP.HCM, chúng tôi nhận thấy, sự biến đổi quan hệ cộng đồng xóm giềng diễn ra mạnh mẽ ở những địa bàn đã và đang đô thị hóa mạnh, như tại thị trấn của các huyện hoặc một số xã lân cận vùng thị trấn. Riêng đối với các xã vùng sâu, sống trong một không gian nông thôn rộng rãi, không bị ngăn cách bởi những bức tường rào kiên cố, cùng một nghề nghiệp giống nhau... tính cố kết cộng đồng, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau trong cuộc sống, nghề nghiệp vẫn còn bền chặt.

3.3. *Biến đổi trong quan hệ giữa các nhóm nghề nghiệp*

Điểm đặc biệt của các hộ nông dân ở TP.HCM là chú trọng đến yếu tố cùng nghề và quan hệ này có sự thay đổi dựa trên sự thay đổi của nghề nghiệp. Nông dân ở Cần Giờ khi còn trồng lúa thì mối quan hệ xóm giềng giữa các gia đình trong cùng một khu vực gắn bó với nhau. Nhưng, một vài hộ trong số đó không tiếp tục trồng lúa, chuyển

sang đào ao nuôi tôm; mối quan hệ xóm giềng giữa những người đang trồng lúa với những người chuyển sang nuôi tôm bắt đầu trở nên phai nhạt dần. Mặt khác, giữa những người nuôi tôm và những người trồng lúa cũng còn có mâu thuẫn kinh tế tiềm ẩn, như thuốc trừ sâu dùng trong việc trồng lúa và nước có nhiễm thuốc trừ sâu mà sang ao tôm thì tôm có vấn đề; Hoặc như những người có vốn chuyển sang nuôi tôm nhờ gặp thuận lợi đã có cuộc sống sung túc hơn, điều này cũng là những nguyên nhân tạo ra những khoảng cách trong mối quan hệ làng xóm, láng giềng. Lâu dần, mối quan hệ láng giềng được thay thế bằng mối quan hệ nghề nghiệp; trong cùng một cộng đồng hình thành nên hai mối quan hệ xã hội khác nhau: *quan hệ xã hội giữa những người trồng lúa và quan hệ giữa những người nuôi tôm*. Lúc này, khi có việc xảy ra, mối quan tâm đầu tiên của họ là nghĩ đến những người cùng nghề với mình. Như trong đám giỗ, đám cưới... khách được mời đa phần là những người cùng nghề với gia chủ; hoặc khi túng thiếu cần đến sự giúp đỡ, thì những người cùng nghề cũng sẽ được nghĩ đến đầu tiên.

Đối với những cư dân sống trong cùng khu vực có tốc độ đô thị hóa cao, nhưng giữa họ có cùng nghề nghiệp với nhau, thì mối quan hệ xóm giềng của họ hầu như ít có sự biến đổi. Ví dụ như nông dân làm cùng một nghề thủ công, đan lát ở Xuân Thới Sơn (Hóc Môn), làm bánh tráng ở Phú Hòa Đông (Củ Chi), làm muối ở Lý Nhơn... quan hệ xóm giềng của họ ít thay đổi. Họ vẫn tương trợ nhau trong nghề nghiệp, giúp đỡ lẫn nhau khi cần thiết.

Ở khu vực nông thôn TP.HCM hiện nay, mối quan hệ mới mang tính đặc trưng của cộng đồng nghề nghiệp được phát triển khá mạnh. Các Hội, Đoàn này có vai trò rất lớn trong những năm gần đây, đặc biệt trong giai đoạn phát triển của CNH, HĐH.

Hầu như ở các quận vùng ven và khu vực nông thôn của TP.HCM đều có các Hội kể trên, đặc biệt là các hội mang tính phi quan phương như Hội cá cảnh, Hội hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và trang trại... Hoạt động của các Hội này đều mang yếu tố ngành nghề. Những người cùng nghề cùng tính chất tham gia vào một hội, một câu lạc bộ để cùng nhau tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau trong nghề. Nhờ đó, nông dân TP.HCM trong cùng Hội, cùng Câu lạc bộ có thể nắm bắt được những yếu tố mới, kỹ thuật mới trong hoạt động nghề nghiệp của họ. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các Hội nghề của nông dân TP.HCM đang hoạt động mạnh như Hội làm vườn và trang trại huyện Cần Giờ, Câu lạc bộ trang trại huyện Củ Chi, Chi hội hoa lan cây cảnh huyện Nhà Bè, Chi hội cá kiểng Gò Vấp, Chi hội hoa lan cây kiểng Thủ Đức, Chi hội cá bột xã Thái Mỹ - Củ Chi...

Theo đánh giá của Hội nông dân TP.HCM, các tổ chức phi quan phương này đã có những tác động tích cực đến các hoạt động nghề nghiệp của nông dân thành phố trong những năm qua, đặc biệt là yếu tố đoàn kết, tương trợ lẫn nhau để cùng phát triển nghề. Vai trò của các Hội nghề còn được thể hiện rất rõ trong những dịp TP.HCM tổ chức các lễ hội có trưng bày sản phẩm, hàng hóa hoặc mỗi độ xuân về. Vào những dịp đó, những người đứng đầu trong hội nghề nghiệp chịu trách nhiệm liên lạc với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch để thực hiện công việc trưng bày những thành tựu lao động của nông dân. Nhờ đó, thành tựu lao động của nông dân được giới thiệu với người dân. Có thể nói, hội nghề nghiệp chính là một trong những quan hệ xã hội đặc trưng của nông dân TP.HCM nói riêng và nông dân cả nước nói chung.

**THE TRANSFORMATION OF RURAL SOCIAL RELATIONS
UNDER THE IMPACT OF THE PROCESS OF INDUSTRIALIZATION
AND MODERNIZATION THROUGH SURVEY IN HO CHI MINH CITY**

Le Thi My Ha

Ho Chi Minh City for Institute of Development Studies

ABSTRACT

The process of industrialization and modernization creates impact on the situation of family, community, and neighborhood in the countryside. The degree of impact depends on the development of urbanization and pace of economic restructuring. The area develops strongly in the direction of modernity, people live in the urban lifestyle, so that occupations of residents are more diversified, their neighborhood will be changed. People no longer concern with the horizontal relationship - with extension" but shifted to the relationship of "depth", with professional relations.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Xuân Biên (2014), *Sài Gòn – TP.HCM Văn hóa phát triển*, NXB Tổng hợp TP.HCM.
- [2] Nguyễn Thị Thanh Bình (2007), “Hội kết của xã hội nông dân: Một số thảo luận xung quanh khái niệm nông dân và những bất cập khi thao tác hóa khái niệm”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5-2007, tr. 47-54.
- [3] Bùi Thế Cường (2013), *Cơ cấu xã hội, lối sống và phúc lợi của cư dân thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM.
- [4] Đỗ Thái Đồng (2004), *Phát triển nông thôn*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2004.
- [5] Lê Thị Mỹ Hà (chủ nhiệm, 2012), *Nông dân, nông thôn TP.HCM trong quá trình CNH, HĐH*, Viện Nghiên cứu Phát triển TP.HCM.
- [6] Ngô Thị Phương Lan (2014), *Từ lúa sang tôm hành vi giảm thiểu rủi ro và khai thác vốn xã hội của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [7] Lê Văn Năm (2007), *Nông dân ngoại thành TP.HCM trong tiến trình đô thị hóa*, Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển.
- [8] Tô Thị Thùy Trang (2013), *Định hướng phát triển kinh tế – xã hội vùng nông thôn TP.HCM đến năm 2020*, Viện nghiên cứu Phát triển TP.HCM.
- [9] Tôn Nữ Quỳnh Trân (1999), *Văn hóa làng xã trước sự thách thức của đô thị hóa tại TP.HCM*, NXB Trẻ.
- [10] Tôn Nữ Quỳnh Trân (chủ biên, 2010), *Những giá trị văn hóa đô thị Sài Gòn – TP.HCM*, NXB Tổng hợp TP.HCM.
- [11] Cục Thống kê TP.HCM, *35 năm TP.HCM số liệu thống kê chủ yếu 1976-2010*, Cục Thống kê TP.HCM, 2010.
- [12] *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*, Báo cáo tóm tắt, Hà Nội, 2008.
- [13] Viện Nghiên cứu Phát triển, *Thành phố Hồ Chí Minh 35 năm xây dựng và phát triển*, NXB Tổng hợp TP.HCM